

HÀM Ý HỘI THOẠI VỚI LỜI NÓI DỐI VÀ LỜI NÓI CHÂM BIẾM TRONG TRUYỆN CƯỜI DÂN GIAN VIỆT NAM

Nguyễn Hoàng Yên

Khoa Khoa học Xã hội, Trường Đại học Tây Bắc

Tóm tắt: Trong truyện cười dân gian Việt Nam, lời nói dối và lời nói châm biếm có sự khác nhau trong việc tạo hàm ý, có tác dụng gây cười mặc dù đều là sự không tuân thủ phương châm về chất. Bài viết phân tích 5 truyện cười tiêu biểu để làm rõ và rút ra một số kết luận bước đầu.

Từ khóa: Hàm ý hội thoại, truyện cười dân gian Việt Nam, lời nói dối, lời nói châm biếm.

1. Đặt vấn đề

Hàm ý hội thoại là ý nghĩa ngầm ẩn thể hiện trong phát ngôn gắn với ngữ cảnh giao tiếp cụ thể được người nghe tiếp nhận thông qua suy luận đúng như chủ đích của người nói.

Truyện cười dân gian (TCDG) là một thể loại truyện chứa đựng cái hài, dùng tiếng cười làm phương tiện chủ yếu để phê phán, châm biếm, đả kích cái xấu xa và mua vui giải trí. Trong TCDG Việt Nam khi một lời nói dối hoặc nói châm biếm được thực hiện thì cũng đồng thời một hàm ý hội thoại (từ đây gọi là hàm ý) gắn với sự châm biếm hoặc chỉ trích nào đó cũng được tạo ra. Lời nói dối hoặc lời nói châm biếm khi được người nghe nhận ra đã gây cười và tiếng cười thêm sâu sắc khi hàm ý được giải đoán.

Ở TCDG Việt Nam, hàm ý được tạo ra theo cách này gọi chung là không tuân thủ phương châm về chất (theo Grice 1975) [1, 78]. Phương châm chất yêu cầu phần đóng góp là chân thực: có thực hoặc chứng minh được; đừng nói những điều mình tin là không đúng hay không có bằng chứng xác thực. Tuy nhiên lời nói dối và lời nói châm biếm có sự khác nhau trong việc tạo hàm ý có tác dụng gây cười mặc dù đều là sự cố ý vi phạm, không tuân thủ phương châm về chất.

2. Nội dung

Kết quả khảo sát tư liệu cho thấy TCDG Việt Nam có 51/215 truyện (chiếm 23.7 %) vi phạm yêu cầu của phương châm về chất nhằm tạo hàm ý. Để làm sáng tỏ sự khác nhau trong việc tạo hàm ý có tác dụng gây cười trong lời nói dối và lời nói châm biếm cũng như tác dụng của

hàm ý trong việc tạo tiếng cười thâm thúy, bài viết sẽ chọn một số TCDG Việt Nam tiêu biểu để phân tích.

Ví dụ 1: Truyện *CON RẮN VUÔNG* [3, 162-163]

Mở đầu câu chuyện, ở phát ngôn đầu tiên, người chồng đã chủ động đưa ra một thông tin không chính xác, quá xa sự thật về một con rắn anh ta nhìn thấy trong rừng. Câu chuyện tiếp tục phát triển vì chị vợ có ý trêu chồng. Chị ta biết chồng nói không đúng nhưng lại làm ra vẻ thừa nhận điều này. Thế là màn kịch được dựng lên với rất nhiều tình huống mà chị vợ vừa là nhân vật vừa là đạo diễn. Người chồng ra sức bảo vệ lời nói phóng đại của mình, còn chị vợ mặc nhiên công nhận.

- *Này mình à, hôm nay tôi vào rừng, thấy một con rắn... Ôi chao là to!... Bề ngang đến hai mươi thước, bề dài đến một trăm hai mươi thước ấy!*

- *Mình không tin à? Chẳng một trăm hai mươi thước thì cũng một trăm thước.*

- *Thật mà! Không được một trăm thước thì cũng đến tám mươi thước.*

- *Thật đấy mà! Không tám mươi thì cũng sáu mươi.*

- *Không đến sáu mươi thước thật, nhưng ít nhất cũng bốn mươi thước.*

- *Ừ thôi, tôi nói thật nhé! Quả tôi nom thấy con rắn dài đúng hai mươi thước không kém một tấc, một phân nào!*

- Bề ngang hai mươi thước, bề dài hai mươi thước đúng. Thì ra con rắn vuông bốn góc à?...

Trong các phát ngôn của anh chồng phần in đậm chứa những thông tin không chính xác, tức là trong phát ngôn của mình anh chồng đã không gắn với phương châm về chất. Anh ta chủ ý đánh lừa vợ mình bằng những câu nói mà anh ta tin rằng đó là sai và trên thực tế không có con rắn nào như vậy. Anh ta đã thực hiện một câu nói dối ‘nguyên mẫu’ để mong vợ tin và thán phục.

Tuy nhiên, một mặt mặc nhiên công nhận, mặt khác chị vợ lại cố tình gài bẫy để anh chồng tiếp tục chủ ý nói khoác của mình. Chị ta thắc mắc về chiều dài con rắn làm cho anh chồng phải nhượng bộ, hạ thấp dần mức độ nói khoác. Anh chồng mãi mê với việc làm cho chị vợ tin chiều dài con rắn là có thực mà quên đi chiều rộng của nó. Từ 100 thước, xuống 80 thước... và cuối cùng 20 thước. Anh chồng đã tự mâu thuẫn trong lời nói. Con rắn lúc này có chiều dài bằng chiều rộng và trở thành con rắn vuông.

Như phân tích trên, lời nói dối của anh chồng đã bại lộ, tức lời nói dối đó không thành công. Nhận ra lời nói dối tức là người vợ đã giải đoán được hàm ý của chồng. Trên cơ sở đó để chị ta “lừa” lại chồng mình và anh chồng từ chỗ muốn “hả hê” qua hàm ý của mình đã trở thành đối tượng để người vợ và độc giả bỏ lăn ra cười.

Ví dụ 2. Truyện *CHẲNG PHẢI TAY ÔNG* [3, 209]

Có hai anh tính hay sợ vợ, lại cùng là hàng xóm láng giềng với nhau. Một hôm, vợ anh nọ đi vắng, ở nhà trời mưa, có cái váy vợ phơi ở sân, anh ta quên mất, để mưa ướt cả. Khi vợ về, vợ mắng cho một trận nên thân.

Anh bên cạnh thấy thế mới lẩm bẩm:

- Mẹ kiếp, chẳng phải tay ông!...

Chẳng may, vợ anh ta nghe tiếng, chạy đến trộn mắt hỏi dồn:

- Phải tay ông thì ông làm gì hử?... Ông làm cái gì hử?...

Anh này luống cuống:

- Phải tay ông thì ông... cất trước lúc trời chưa mưa chứ còn làm gì nữa!

Tình huống của việc dùng hàm ý gây cười là thái độ bất bình của anh có tính hay sợ vợ đối với việc anh bạn hàng xóm bị vợ mắng vì quên cất váy khi trời mưa thể hiện qua phát ngôn “lầm bầm”. Vợ anh ta nghe được và buộc anh này phải giải thích. Câu nói của anh ta (câu in đậm) có chứa hàm ý.

Thực ra ngay từ câu nói đầu tiên “Mẹ kiếp, chẳng phải tay ông” đã gài hàm ý chê anh bạn hàng xóm sợ vợ. Hàm ý này được tạo ra từ cách nói lẩm bẩm, tức là nói với chính mình, do vậy câu nói của anh ta trở nên thiếu thông tin và người ngoài nghe được sẽ thấy mơ hồ, khó giải đoán. Tuy nhiên, người nghe lại là vợ anh ta (người mà anh ta vẫn hay sợ) và bà ta dễ dàng giải đoán được hàm ý của chồng. Vì vậy, câu nói của anh ta trở nên vô lí và thuộc về một lời nói dối.

Để làm rõ điều anh ta vừa nói, những câu hỏi dồn cùng một nội dung được nêu ra khiến cho anh chồng trở nên luống cuống.

Việc nhắc lại câu nói ban đầu và sự ngập ngừng thể hiện ở dấu ba chấm (...) trong câu kết thúc đã giúp anh ta kịp trấn tĩnh và tìm ra cách “rút lui cho phép” bằng hàm ý để bảo toàn thể diện cho cả hai bên. Trong câu trả lời của mình, anh chồng đã thực hiện một lời nói dối (nói không đúng về nội dung câu lẩm bẩm đầu tiên) để thể hiện hàm ý: Sợ vợ hơn ông hàng xóm.

Xét ra trong hoàn cảnh này, anh ta đã tự làm khó mình khi tự dối lòng bằng câu ‘lầm bầm’ để rồi một lần nữa lại phải nói dối bà vợ cho yên chuyện trong câu giải thích cuối cùng.

Ví dụ 3: Truyện *VẮT CỔ CHÀY RA NƯỚC* [3, 96]

Một hôm chủ nhà bảo đầy tớ về quê có việc, người đầy tớ xin mấy đồng tiền uống nước dọc đường.

Chủ nhà ngẫm nghĩ một lúc rồi nói:

- Thằng này đến là ngốc, hai bên đường thiếu gì ruộng ao, có khát thì xuống đấy tha hồ uống, tìm vào quán làm gì cho phiền phức.

- Thưa ông, độ này trời hạn, cạn khô cả.

- Thế thì tao cho mượn cái này!

Nói rồi, đưa cho người đầy tớ cái khố tải. Người này chưa hiểu ý ra làm sao, thì chủ nhà đã bảo:

- Vận vào người khi khát, vắt ra mà uống.

Người đầy tớ liền nói:

- Trời này vận khố tải, ngót lắm. Hay là ông cho tôi mượn cái chày giã cua vậy!

- Để mày làm gì?

- Dạ, vắt cổ chày cũng ra nước!

Tình huống của truyện là câu chuyện giữa chủ nhà và đầy tớ về việc đầy tớ xin tiền uống nước dọc đường khi được chủ nhà sai về quê có việc. Sự việc và tính cách của chủ nhà được thể hiện rõ dần theo sự phát triển của cuộc thoại. Bản chất keo kiệt lộ rõ, mức độ keo kiệt được kết luận trong tham thoại cuối cùng chứa hàm ý của người đầy tớ: **Dạ, vắt cổ chày cũng ra nước!**

Cặp thoại thứ nhất đánh dấu một mức độ trong “thang độ” keo kiệt của tên chủ nhà qua lời thoại *tìm vào quán nước làm gì cho phiền phức*, trên đường đi thiếu gì ao hồ, khát thì xuống đây mà uống. Có lẽ với những người bình thường (không phải tên chủ nhà) thì sự keo kiệt như vậy đã là quá mức, không thể tìm thấy sự thể hiện nào cao hơn nữa. Tuy nhiên, nếu dừng ở đây thì chưa thể hiện được một cách đầy đủ, cụ thể tính cách keo kiệt của tên chủ nhà, hội thoại cũng chưa làm tròn vai trò của mình trong phần các sự kiện gồm các hành động và các hành động phản hồi, với chức năng tạo sự định giá (qua đó mà bình giá về luân lý). Tham thoại hồi đáp đưa ra một tiền giả định *Dạo này ao hồ cạn khô cả* đã thúc đẩy sự xuất hiện của cặp thoại tiếp theo. Cũng chính là sự tăng tiến về mức độ keo kiệt, sự lộ rõ bản chất thật đầy đủ của tên chủ nhà. Cách giải quyết thật là có một không hai: cho đầy tớ mượn cái khố tải thấm nước, khi khát vắt ra mà uống. Giả định câu chuyện kết thúc thì đây vẫn là một truyện cười và truyện có thể có tên là “Vắt ra mà uống”. Người đọc (hoặc nghe kể) bắt đầu có tiếng cười hoặc dè bĩu, chê bai về một sự keo kiệt quá sức tưởng tượng. Cũng có thể cười về cách tìm nước uống tiện lợi mà tên chủ nhà bày cho đầy tớ. Tuy nhiên, cái quan trọng là chưa có kết luận về tên gọi thang độ cao

nhất của sự keo kiệt. Chính người đang nhận sự keo kiệt đã tìm ra điều đó qua phát ngôn *Hay là ông cho tôi mượn cái chày giã cua vậy!*. Câu nói này có hàm ý. Tuy nhiên lão chủ nhà chưa hiểu. Anh đầy tớ đành nói rõ hơn hàm ý của mình bằng phát ngôn tiếp theo *Dạ vắt cổ chày cũng ra nước!*. Và hàm ý có nội dung: Bùn xin, keo kiệt vào bậc nhất.

Hàm ý nằm trong câu giải thích vô lí, không có cơ sở: “vắt cổ chày ra nước” nhưng lại thật dễ hiểu với lão nhà giàu kia trong hoàn cảnh giao tiếp này. Anh đầy tớ đã cố tình nói điều chính anh ta nghĩ là sai (hành động vắt chỉ xảy ra với những vật có nước) để so sánh với hành động trái khoáy của ông chủ đối với mình. Và như vậy cái vô lí trong lời nói của anh ta đã trở nên có lí trong hoàn cảnh này. Một nhận định, một thái độ ngầm ẩn đã được thể hiện rất thành công qua cách nói cố tình không tuân thủ phương châm về chất.

Từ lí thuyết phân tích hội thoại, việc chọn lời nói châm biếm của anh đầy tớ còn một nguyên do khác, đó là sự khồng chế của phương châm lịch sự, hay nói cụ thể hơn trong quan hệ với ông chủ anh ta không thể nói điều mình nghĩ một cách tường minh.

Hàm ý được tạo ra thật bất ngờ với người nghe và người đọc. Người nghe (ông chủ nhà) thì giật mình và ngạc nhiên về cách định danh tính cách của đầy tớ về mình, còn độc giả thì mỉm cười thán phục tài trí của anh đầy tớ để rồi ghi nhớ câu chuyện này và ngẫm về cuộc sống. Từ câu chuyện dân gian này, trong đời sống giao tiếp của người Việt xuất hiện thành ngữ “Vắt cổ chày ra nước” để chỉ sự bủn xỉn, hà tiện, keo kiệt đến quá đáng.

Ví dụ 4: Truyện NGƯỜI VẮN [3, 125-126]

Một người mù chỉ người hơi vẩn, mà biết được vẩn hay vẩn dờ.

Có ông tú đưa bộ Tây sương kí ra hỏi. Người mù người, rồi bảo:

- Tây sương kí đây mà!

Ông tú hỏi:

- Sao biết?

- Người có mùi phấn sáp.

Ông tú lại đưa pho Tam quốc chí ra hỏi.
Người mù ngửi rồi bảo:

- Tam quốc chí đây mà!

Ông tú hỏi:

- Sao biết?

Người mù nói:

- Người có mùi binh đao.

Ông tú mới đem chính tập văn của mình làm ra hỏi. Người mù ngửi, rồi bảo:

- Văn này của ông, chứ gì?

Ông tú hỏi:

- Sao biết?

Người mù nói:

- Người có mùi thum thum.

Tình huống gây cười gồm một người mù và một ông tú (người sáng mắt, có học hành đỗ đạt) bàn về văn chương chữ nghĩa, cái mà người mù không hề có khả năng.

Trong các phát ngôn của của người mù câu in đậm là câu chứa hàm ý theo phương châm về chất, tức là trong phát ngôn của mình người mù đã không gắn với phương châm “phần đóng góp là chân thực”.

Thông thường mũi-cơ quan khứu giác dùng để phân biệt những mùi vị cơ bản như: thơm, thối, hắc... Đôi khi con người còn dùng để phân biệt sự vật qua cảm giác quen thuộc với sự vật đó.

Dùng mũi ngửi văn, qua mùi vị để xác định và đánh giá văn là điều không hợp lý, trái với tự nhiên và lẽ thường. Người mù đã nói những điều không chân thực, không chứng minh thỏa đáng được để tạo hàm ý.

- Người có mùi phấn sáp.

- Người có mùi binh đao.

- Người có mùi thum thum.

Hàm ý trong lời nói đầu tiên (tập văn viết về phụ nữ) được ông tú nhận ra cũng là lúc cái đáng cười xuất hiện. Cười về sự nửa tin nửa

ngờ để rồi pho Tam quốc chí lại được đưa ra để có câu nói tiếp theo với hàm ý: tập văn viết về chiến tranh. Tiếng cười thực sự nổ ra khi ông tú đưa chính tập văn của mình để người mù thẩm định. Ông tú cũng như độc giả nhận ra hàm ý sâu sắc trong câu nói của người mù.

Sự phân tích trên cho thấy trong ba phát ngôn đang xét chỉ có một phát ngôn châm biếm thì khó có được tiếng cười thâm thúy vì mỗi hiện tượng riêng lẻ như là cái bất thường ngẫu nhiên. Ở đây có sự giống nhau về đề tài, kiểu câu diễn đạt và cách giải đoán khiến cho sự xuất hiện các hàm ý như “để” cho nhau để rồi cùng nhau tạo nên tiếng cười: cười khen cho người mù khéo léo và sáng dạ, cười chê ông tú đại dốt và dốt nát.

Ví dụ 5: Truyện ĐỀ CHÚNG KHỎI LẠC ĐÀN [3, 215]

Hai người ngồi ăn cơm. Trong đĩa có năm con tôm, một người ăn hết bốn con, rồi mới mời người kia:

- Ô kìa! Sao anh không xơi đi?

Người kia nói:

- *Thôi mời anh xơi nốt, để chúng khỏi lạc đàn!*

Tình huống của hàm ý gây cười là hai người cùng ăn cơm với đĩa thức ăn có năm con tôm. Một người ăn hết bốn con mới mời người kia.

Ngay trong lời dẫn truyện của tác giả, nhân vật tham ăn đã gây một cảm giác khó chịu, mất cảm tình với độc giả. Sự ngạc nhiên và lời mời của anh ta Ô kìa! Sao anh không ăn đi? về con tôm cuối cùng trên đĩa chứng tỏ anh ta chưa nhận ra cái hành động trái bình thường, không hợp với cách ứng xử “Ăn trông nòi, ngồi trông hướng” của người Việt. Anh *kia* đã khéo léo nhắc nhở để thức tỉnh anh này qua câu nói chứa hàm ý được in đậm ở trên: tôm thường đi có đàn, tôi ăn chỉ sợ con tôm này lạc mất đàn của nó.

Như vậy trong phát ngôn của *người kia* có chứa một điều phi lý: tôm đã chín, để trên đĩa mà vẫn có thể theo “đàn” vào miệng của anh tham ăn. Người nói đã không gắn với phương

châm về chất (nói điều không chân thực) để biểu thị hàm ý: Anh là kẻ tham ăn.

Nhưng liệu rằng anh tham ăn có giải đoán được hàm ý này hay chỉ là sự ngẫm hiểu của người nói và độc giả?

Dễ nhận ra rằng anh tham ăn chỉ mất cảm giác về mình khi bận ăn. Câu hỏi đáp của anh kia xuất hiện khi anh này đã dừng ăn và trở về trạng thái bình thường. Tức là anh ta cũng nhận ra điều ngẫm ẩn trong phát ngôn này để rồi cũng cười nhưng ‘cười trừ’ bên cạnh sự mỉm cười chế nhạo của anh kia và độc giả.

Cách nói để chúng khỏi lạc đàn cho đến ngày nay vẫn còn được dùng với ý nghĩa tương trưng như trong câu chuyện dân gian trên.

3. Kết luận

Từ sự phân tích trên, một số kết luận bước đầu về hàm ý với lời nói dối và lời nói châm biếm trong TCDG Việt Nam có thể thấy như sau.

3.1. Nếu xem xét từ phía người nói, trong khi một lời nói dối là có chủ ý làm cho không được nhận ra thì lời nói châm biếm lại có chủ ý làm cho được nhận diện. Dấu hiệu của chủ ý có thể nhận biết qua ngôn từ, lời dẫn của người kể chuyện và một vài yếu tố khác thuộc ngữ cảnh tình huống. Chẳng hạn, vì không muốn bị lộ anh chồng trong ví dụ 1 đã phải đưa thêm một số ngôn từ nhấn mạnh nhằm mong người nghe coi như một lời nói thật: Ôi chao là to, mình không tin à, thật mà, thật đấy mà, tôi nói thật nhé. Ngược lại lời giải thích của người đầy tớ trong ví dụ 3 không đúng thực tế nhưng rất tương minh với lão nhà giàu trong tình huống giao tiếp đó.

3.2. Từ phía người nghe và độc giả, một lời nói dối sẽ bị xem thường còn lời nói châm biếm được tôn trọng và mong đợi. Lời nói dối chứa hàm ý của các nhân vật ở ví dụ 1, 2 thể hiện tính cách của các nhân vật và không được người nghe và độc giả tôn trọng. Với những người không kém cỏi về trí tuệ như ông tú trong ví dụ 4 thì lời nói châm biếm thường được tôn trọng

và mong đợi. Vì vậy thủ pháp nói dối thường đơn giản ít mang tính trí tuệ, còn tiếng cười từ lời nói châm biếm sâu sắc và có tính xã hội sâu rộng hơn.

3.3. Có một điều lí thú là một lời nói dối chỉ thành công khi những người khác không biết rằng đó là lời nói dối, trong khi đó một hàm ý được tạo ra và thành công khi người nghe phải nhận ra đó là lời nói dối. Như vậy xác định lời nói dối hay sự nói dối phải dựa trên những lời nói dối không thành công (điều này cũng rất mơ hồ và chưa được quan tâm nhiều trong ngôn ngữ học và cũng không được bàn kĩ ở đây). Ngược lại lời nói châm biếm phải được nhận ra mới được coi là thành công.

3.4. Trong TCDG Việt Nam lời nói dối và lời nói châm biếm trong các truyện cười chứa hàm ý và tình huống xuất hiện các phát ngôn này đều gắn với sự khống chế của phương châm lịch sự. Tức là người nói không thể cùng thực hiện đúng cả phương châm về chất và phương châm lịch sự. Chẳng hạn *anh đầy tớ* và *người kia* trong ví dụ 3, 5 chọn cách nói châm biếm vì tránh tác động trực tiếp đến thể diện của người nghe. Như vậy nói dối, nói châm biếm có thể coi như một hiện tượng về tính lịch sự trong TCDG Việt Nam. Và trong đời sống hiện đại, liệu chúng ta vẫn có thể nhận thức thấu đáo cuộc sống mà không có những lời nói dối nhẹ nhàng?

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Yule. G (1997, bản dịch tiếng Việt 2003), *Dùng học*. Nxb ĐHQG Hà Nội
2. Barbe, Katharina, *Irony in context* John Benjamins publishing company. Amsterdam/Philadelphia.

DẪN LIỆU

3. Trương Chính - Phong Châu (2004), *Tiếng cười dân gian Việt Nam*. Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.

CONVERSATIONAL IMPLICATURES IN JOKES AND SARCASTIC DISCOURSES IN VIETNAMESE HUMOROUS FOLKTALES

*Nguyen Hoang Yen,
Tay Bac University*

Abstract: *In Vietnamese humorous folktales, jokes and sarcastic discourses are different in creating conversational implicatures to make fun despite some similarities. This article selects five most typical Vietnamese humorous folk stories for critical analysis, aiming at clarifying the given point and draw some initial conclusions.*

Keywords: *Conversational implicature, humorous Vietnamese folktales, jokes and sarcastic discourses.*

Ngày nhận bài: 29/4/2020. Ngày nhận đăng: 25/5/2020.

Liên lạc: Nguyễn Hoàng Yến; e-mail: nguyenhoangyen@utb.edu.vn